TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 645/2023/DS-PT
Ngày: 07/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh.

Bà Trần Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 340/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1575/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 5531/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: 1B Đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kiều E, sinh năm 1983 (Vắng mặt). Địa chỉ: 1B Đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2021).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mai G, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 98 Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đức L, sinh năm 1960 (Có mặt). Địa chỉ: Tòa nhà M, phường N, thành phố O, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020).

2. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1958 (chết ngày 31/8/2019).

Địa chỉ: Số 98 Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P:

2.1. Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Lô B, khu căn hộ R, xã S, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Q: Luật sư Bùi Quang U (Vắng mặt) – Thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Lê Bá V, sinh ngày 24/12/2004 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Lô B, khu căn hộ R, xã S, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ông Nguyễn Lê Bá X, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Lô B, khu căn hộ R, xã S, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Anninportti, Rovaniemi, Finland.

2.4. Ông Nguyễn Lê Bá Y, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

2.5. Ông Nguyễn Lê Bá A1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cuối: Số 98 Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thái A có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ năm 2007 đến ngày 14/7/2011, nguyên đơn là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Trong thời gian hành nghề luật sư tại tỉnh Bình Phước, nguyên đơn mở Văn phòng luật sư Nguyễn Thái A tại tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận hoạt động do Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/7/2007 và Chi nhánh văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Năm 2011, nguyên đơn chuyển từ Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước về Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, nguyên đơn đã làm thủ tục giải thể Văn phòng luật sư Nguyễn Thái A do Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước cấp và Chi nhánh văn phòng luật sư Nguyễn Thái A do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp

để thành lập Văn phòng luật sư Nguyễn Thái A do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo quy định. Sau khi giải thể thì Trưởng Văn phòng luật sư Nguyễn Thái A do Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước cấp là ông Nguyễn Thái A là người kế thừa tiếp tục thực hiện những hợp đồng dịch vụ pháp lý chưa thực hiện xong theo đúng thỏa thuận, cam kết trong các hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý đã ký kết.

Trước đó vào ngày 22/4/2010, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL với ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Mai G. Theo đó, Văn phòng luật sư Nguyễn Thái A nhận tham gia tố tụng thay cho bà G, ông P trong vụ án dân sự thụ lý số 209/TLST-DS ngày 07/12/1992 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi nhà cho thuê" do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết cho đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết xong vụ án, tham gia thi hành bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành xong bản án, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận chủ quyền nhà đất cho ông P, bà G theo quy định của pháp luật, sau đó làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản cho ông Nguyễn Xuân B1 tại phòng công chứng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo đúng nguyện vọng thể hiện ở Bản án sơ thẩm số 929/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 165/2014/DS-PT ngày 10/7/2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó, nguyên đơn tiếp tục tham gia thi hành bản án có hiệu lực pháp luật theo Giấy ủy quyền công chứng số 004658 ngày 21/10/2014 tại Văn phòng công chứng C1. Nguyên đơn đã làm tốt công việc được ủy quyền, không vượt quá phạm vi ủy quyền, phù hợp ý chí của bị đơn được thể hiện trong các văn bản thi hành án do Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh lập và sự thừa nhận của bị đơn tại nội dung email gửi cho nguyên đơn hồi 07 giờ 06 phút ngày 06/9/2015. Việc thi hành án đã hoàn tất theo Biên bản ngày 11/7/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và đang làm thủ tục chuyển nhương cho ông Nguyễn Xuân B1. Trong khi nguyên đơn đang tham gia thi hành cưỡng chế để giao nhà đất cho bị đơn theo quy định của pháp luật thì ngày 15/12/2016 bị đơn tự làm văn bản gửi Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hủy bỏ việc ủy quyền và đơn phương chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010. Đã rất nhiều lần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh lý hợp đồng, nhưng bị đơn từ chối không thanh lý, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ theo khoản 3 Điều V của hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL quy định: "...*Nếu bên A* (nguyên đơn) *đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này thì phải trả lại ngay toàn bộ số tiền đã nhận. Còn ngược lại, nếu bên B* (bị đơn) *đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này dưới bất cứ hình thức nào thì vẫn phải trả đủ phí dịch vụ nêu trên tại Điều IV của hợp đồng này...*". Trong trường hợp này, tổng phí dịch vụ là 6.000.000.000 đồng, chưa bao gồm các loại thuế. Bị đơn đã trả 4.000.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng, còn lại phí dịch vụ là 2.000.000.000 đồng và toàn bộ tiền thuế phát sinh của hợp đồng này chưa thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên xử chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000.000 đồng và tiền thuế phát sinh từ hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý tạm tính là 720.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền thuế phát sinh từ hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý tạm tính là 720.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai G có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Mai G có tranh chấp căn nhà số 16 đường D1, Phường E1, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh với bên thuê nhà là ông Nguyễn Văn H1. Năm 2010, vụ việc được Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết, ông P và bà G liên hệ nhờ Luật sư Nguyễn Thái A thuộc Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Luật sư A chỉ nhận lời yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho ông P và bà G với điều kiện ông P và bà G phải ký hợp đồng dịch vụ pháp lý trị giá 6.000.000.000 đồng và đồng thời phải ký hợp đồng đặt cọc bán căn nhà đang tranh chấp này cho ông Nguyễn Xuân B1 là người bà con của luật sư A với giá 16.000.000.000 đồng.

Ngày 22/4/2010, ông P, bà G và Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với chi phí dịch vụ là 6.000.000.000 đồng, ông P và bà G không có trách nhiệm với bất kỳ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A giải quyết vụ việc. Tuy nhiên sau này, luật sư A không những không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà mà còn lật lọng bắt ép ông bà phải chịu tất cả những khoản tiền không thuộc trách nhiệm, cụ thể: Số tiền 2.000.000.000 đồng hỗ trợ cho bên bị thi hành án do Luật sư A tự ý thỏa thuận với bên mua nhà; Số tiền tòa tuyên án 400.597.000 đồng; Phí làm thủ tục thừa kế.

Theo quy định của pháp luật thì căn nhà số 16 đường D1, Phường E1, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh của ông P và bà G thuộc diện không phải đóng tiền sử dụng đất nhưng dù chưa thi hành án Luật sư A liên tục thông báo gia đình ông bà phải chuẩn bị số tiền sử dụng đất trên dưới 2.000.000.000 đồng làm cho ông bà vô cùng hoang mang và lo lắng. Ngoài việc gây khó dễ, không có thiện ý giải quyết vụ việc luật sư A còn đe dọa gia đình ông bà phải kê khai và đóng thuế cho cả phần của Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A, nếu ông bà đi thưa kiện ra Tòa án sẽ bị phạt nặng. Ngày 04/11/2016, Luật sư A gửi thư yêu cầu gia đình ông bà phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp cho Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A. Việc yêu cầu này ông P và bà G cho rằng không đúng quy định của pháp luật.

Theo nội dung Điều khoản Trách nhiệm của bên A trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý ký kết giữa hai bên thì bên A – Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A sẽ là người đại diện theo ủy quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P và bà G, tham gia tố tụng giải quyết xong vụ án, thi hành án, hoàn tất thủ tục sang tên và chuyển quyền sở hữu cho bên mua nhà để ông P và bà G nhận được hết số tiền bán nhà. Luật sư A giải thích cho ông bà rằng:

- Luật sư A sẽ lo hoàn tất mọi thủ tục và chi phí từ tranh chấp Tòa án cho đến khi ký công chứng bán và bàn giao nhà cho bên mua. Gia đình ông P và bà G sẽ không phải chịu bất kỳ chi phí gì khác ngoài trừ phần thuế phát sinh của gia đình ông P và bà G. Luật sư A giải thích thêm do đó mới có phí luật sư cao đến 6.000.000.000 đồng.

- Đồng thời, gia đình ông P và bà G phải bán căn nhà đang tranh chấp với giá 16.000.000.000 đồng (trừ 6.000.000.000 đồng phí luật sư thực tế còn 10.000.000.000 đồng) cho người nhà của Luật sư A là ông B1. Gia đình ông P và bà G không được ủy quyền cho người khác ngoài Luật sư A và cũng không được bán nhà cho người khác ngoài ông B1.

Ngày 10/7/2014, Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phồ Hồ Chí Minh có bản án buộc bên bị đơn, bên thuê nhà phải trả nhà và bên nguyên đơn phải thanh toán khoản tiền gần 500.000.000 đồng cho bên thuê nhà. Ngày 17/11/2014, Cơ quan thi hành án có quyết định thi hành án số 454/QD-CTHA. Ngày 04/9/2015 việc thi hành án do Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện bất thành do sự làm việc cẩu tả, thiếu chuyên nghiệp của Luật sư A. Đến đây, Luật sư A đã trở mặt không thực hiện đúng trách nhiệm là luật sư đại diện, bảo về quyền và lợi ích của ông P và bà G. Theo khoản 1 Điều V của hợp đồng dịch vụ pháp lý ký ngày 22/4/2010 về phương thức và thời gian thanh toán: Ông P và bà G đã thanh toán trước 4.000.000.000 đồng để Luật sư A thực hiện hợp đồng cho đến khi hoàn tất thủ tục sang tên,

2.000.000.000 đồng còn lại sẽ được thanh toán dứt điểm khi ký xong hợp đồng mua bán toàn bộ nhà đất này tại phòng công chứng nhưng luật sư A đã thỏa thuận riêng với bên mua nhà liên tục gây khó dễ cho gia đình ông P và bà G nhằm chiếm đoạt số tiền còn lại của ông P và bà G. Luật sư A yêu cầu ông P và bà G phải giao quyền chiếm hữu, quản lý căn nhà cho bên mua mà bên mua nhà không phải trả thêm số tiền còn lại theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 22/4/2010 giữa bên mua nhà và bên bán nhà. Luật sư A thỏa thuận với bên mua nhà để bên mua nhà ứng luôn số tiền 1.500.000.000 đồng và trừ vào tiền nhà của ông P và bà G. Những hành vi và cách giải quyết công việc của luật sư A không rõ ràng, thiếu chuyên nghiệp đã làm cho các bên không những không tin tưởng vào luật sư A, mà còn gây xung đột quyền lợi lẫn nhau. Luật sư A sau đó cứ lập lờ, chây ì không xúc tiến việc thi hành án, không tiếp tục tiến hành giải quyết công việc theo như hợp đồng đã ký kết với gia đình ông P và bà G. Sau rất nhiều lần gia đình ông P và bà G gọi điện thoại, gửi email để yêu cầu luật sư A tiếp tục thực hiện việc thi hành án và hoàn tất hợp đồng nhưng luật sư A cũng viện đủ lý do không thực hiện. Ngày 19/4/2016 và ngày 13/6/2016, ông P và bà G cũng đã gửi email cho Luật sư A yêu cầu giải quyết công việc nhưng vẫn không nhận được sự trả lời. Ngày 18/6/2016, ông P và bà G đã gửi đơn khiếu nại lên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh về việc Luật sư A vi phạm pháp luật về Luật sư và đạo đức nghề nghiệp Luật sư. Ngày 12/3/2019, ông P và bà G nhận được kết luận của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và không đồng ý với kết luận của Đoàn luật sư. Ngày 08/5/2019 ông P và bà G đã gửi Đơn khiếu nại đến Liên Đoàn luật sư Việt Nam và vụ việc đến nay đang được Đoàn Luật sư giải quyết.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Luật sư A đã không hoàn thành đầy đủ trách nhiệm như đã thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 22/4/2010 giữa hai bên. Theo Điều 1 Hợp đồng dịch vụ pháp lý nói trên thì trách nhiệm của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A chỉ thực hiện được khoản 1. Theo khoản 3 Điều V về điều kiện thưởng phạt, Luật sư Nguyễn Thái A phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận 4.000.000.000 đồng cho ông P và bà G và xuất hoá đơn tài chính cho khoản tiền ông P và bà G đã ứng trước, thông báo thuế của Chi cục Thuế và chứng từ đóng thuế.

Do đó, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P là bà Lê Thị Kim Q trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1958, chết năm 2019. Ông P có cha là ông Nguyễn Đình I1, sinh năm 1912, chết năm 1999; Mẹ là bà Nguyễn Thị Bạch K1, sinh năm 1926, chết năm 2008; Con gồm: Ông Nguyễn Lê Bá Y,

sinh năm 1982; ông Nguyễn Lê Bá A1, sinh năm 1986; ông Nguyễn Lê Bá X, sinh năm 1998 và trẻ Nguyễn Lê Bá V, sinh năm 2004.

Về nội dung vụ kiện: Ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Mai G có tranh chấp căn nhà Số 16 đường D1, Phường E1, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh với bên thuê nhà là ông Nguyễn Văn H1. Năm 2010, vụ việc được Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết, ông P và bà G liên hệ nhờ Luật sư Nguyễn Thái A thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A Chi nhánh D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Luật sư A chỉ nhận lời yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho ông P và bà G với điều kiện ông P và bà G phải ký hợp đồng dịch vụ pháp lý trị giá 6.000.000.000 đồng với Luật sư A và phải ký hợp đồng đặt cọc bán căn nhà đang tranh chấp cho ông Nguyễn Xuân B1 là người bà con với Luật sư A với giá 16.000.000.000 đồng.

Cùng thời điểm này ông P và bà G ký hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý với Chi nhánh Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A để luật sư A làm đại diện lo thủ tục và tham gia tố tụng tranh chấp căn nhà số 16 đường D1 và làm hoàn tất thủ tục xin cấp chủ quyền sở hữu hợp pháp cho ông P, bà G. Tổng giá trị hợp đồng là 6.000.000.000 đồng.

Cả hai hợp đồng trên do Luật sư A soạn và đưa ông P và bà G ký, đã có chữ ký của bên mua và không có sự hiện diện của bên mua. Đây là dạng "bán lúa non trọn gói", nên từ trước ông P và bà G đã thỏa thuận với Luật sư A là ông P và bà G sẽ thu về 10.000.000.000 đồng còn mọi thù lao và chi phí để hoàn thành vụ việc thì hoàn toàn do Luật sư A quyết định để hình thành giá bán cho bên mua và bị đơn chỉ biết giá khi ký hợp đồng đặt cọc với bên mua. Trên tinh thần đó, Luật sư A đã soạn thảo cả hai hợp đồng, các loại giấy tờ uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Kiều E. Cùng ngày hôm đó, Luật sư A thông báo cho bị đơn về số tiền nhận từ bên mua nhà là 9.000.000.000 đồng và đưa lại trước cho bị đơn 5.000.000.000 đồng, còn 4.000.000.000 đồng sẽ thanh toán chi phí Luật sư đợt 1. Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, số tiền còn lại là 2.000.000.000 đồng sẽ thanh toán khi hoàn tất toàn bộ giấy tờ nhà cho ông P và bà G.

Ngày 10/7/2014, Tòa án phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phồ Hồ Chí Minh có bản án buộc bên bị, bên thuê nhà phải trả nhà và bên nguyên đơn phải thanh toán khoản tiền gần 500.000.000 đồng cho bên thuê nhà. Ngày 17/11/2014, Cục thi hành án dân sự có Quyết định số 454/QĐ-CTHA về việc sẽ thi hành án theo bản nói nêu trên. Sau khi có bản án của Tòa phúc thẩm, Luật sư A đã tự bàn bạc với ông Nguyễn Xuân B1 bỏ ra 3.500.000.000 đồng cho chi phí thi hành án. Ngoài ra, ông A1 có yêu cầu ông B1 ứng thêm 2.000.000.000 đồng thanh toán chi phí Luật sư đợt 2. Ông B1 đồng ý ứng tiền với điều kiện được vô nhà và quản lý căn nhà ngay sau khi hoàn tất việc thi hành

án. Sau khi đã thoả thuận xong luật sư A mới báo cho gia đình bị đơn biết và đưa vào tình thế buộc phải cho bên ông B1 vô nhà và quản lý căn nhà. Và bị đơn cũng được biết số tiền thuế sử dụng đất của căn nhà số 16 Nguyễn Hồng là hơn 2.000.000.000 đồng.

Để việc thi hành án được thực hiện, phía bị đơn đã phải đồng ý để cho bên mua nhà vô nhà và quản lý căn nhà với những điều kiện như sau:

- Bên mua nhà chỉ ứng 1.500.000.000 tỷ đồng cho luật sư A, ông P và bà G giữ lại 500.000.000 đồng cho đến khi luật sư A hoàn tất hợp đồng dịch vụ pháp lý theo như đã thoả thuận.

- Bên mua nhà phải thanh toán cho phía bị đơn 2.600.000.000 đồng trong số tiền 5.000.000.000 đồng còn lại trong hợp đồng đặt cọc đã ký giữa hai bên.

Ngày 04/9/2015, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành việc thi hành án. Các bên có liên quan đã có mặt đầy đủ nhưng do sự thiếu chuyên nghiệp, thiếu lòng tin của luật sư A đã làm cho buổi thi hành án phải bị huỷ bỏ. Sau đó phía bị đơn có gặp và được luật sư A kể lại về nguồn gốc vì sao có sự thoả thuận giữa luật sư A và bên mua nhà về số tiền hỗ trợ 2.000.000.000 đồng cho bên bị thi hành án. Đồng thời, bị đơn có đơn đề nghị cưỡng chế thi hành án để sớm giải quyết xong vụ việc.

Lúc này, nguyên đơn mới cho phía bị đơn biết về việc luật sư A đã ký biên bản cam kết hỗ trợ cho bên thi hành án tại buổi họp với bên Thi hành án trước đó. Nguyên đơn cho rằng đây là số tiền riêng của luật sự Nguyên nên không cần thông báo cho phía bị đơn biết.

Tuy nhiên phía bị đơn vẫn hoang mang, bởi phía bị đơn không thể bàn giao căn nhà khi mà bên mua không trả số tiền còn lại theo hợp đồng đặt cọc đã ký; Luật sư A đề nghị bên mua ứng hết số tiền còn lại là 2.000.000.000 đồng của hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý và nhà và đất tại địa chỉ số 16 Đường D1 thuộc diện được miễn tiền sử dụng đất nhưng luật sư A vẫn yêu cầu bị đơn đóng 2.000.000.000 đồng (về sau lại yêu cầu đóng 1.500.000.000 đồng). Từ sự thiếu chuyên nghiệp của Luật sư A đã đến sự mâu thuẫn, mất lòng tìn với các bên tham gia hợp đồng. Từ đó, phía bị đơn cho rằng luật sư A không làm đúng theo những gì đã thoả thuận, không làm đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp và không tuân thủ các điều khoản hợp đồng dịch vụ pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý, các bên có ngồi lại làm việc tuy nhiên phía nguyên đơn cố tình không lập biên bản làm việc, chỉ trao đổi bằng miệng. Bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết trước đó nhưng luật sư A cố tình không thực hiện và còn bắt buộc bị đơn đóng những khoản tiền không liên quan đến hợp đồng.

Ngày 19/4/2016 và ngày 13/6/2016, bị đơn gửi email cho luật sư A nhắc lại biên bản thoả thuận đã ký về số tiền đền bù theo bản án và yêu cầu luật sư A thực hiện việc nộp tiền để thi hành án nhưng luật sư không trả lời.

Ngày 15/6/2016, phía bị đơn đã nộp đơn khiếu nại về tư cách, đạo đức nghề của luật sư A lên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ngày 24/10/2016, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có tổ chức buổi làm việc và được ông A1 hứa sẽ tiếp tục công việc theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết. Đồng thời vào ngày 17/9/2016, phía bị đơn đã gửi email báo cho bên mua nhà về việc Luật sư A không thực hiện nghĩa vụ ủy quyền và bất hợp tác của luật sư Nguyễn Thái A nhưng các bên không có ý kiến phản hồi. Vào ngày 31/10/2016, phía bị đơn đã tiếp tục gửi email cho Luật sư A để yêu cầu luật sư A tiếp tục thực hiện giải quyết vụ việc theo như lời hứa trong buổi đối chất ngày 24/10/2016 nhưng không có phản hồi. Ngày 02/11/2016 bị đơn tiếp tục gửi thư cho Luật sư A nhưng không có phản hồi gì.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, ông P và bà G đã làm văn bản từ chối tiếp tục ủy quyền và nhờ Văn phòng luật sư L1 tư vấn dịch vụ pháp lý có liên quan.

Ngày 05/3/2019, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trả lời về sự việc trên. Tuy nhiên ông P và bà G cho rằng việc kết luận của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh không đúng với tinh thần khiếu nại và có sự bao che cho những sai phạm về đạo đức nghề nghiệp của Luật sư A. Sau đó vào ngày 28/4/2019, bị đơn tiếp tục làm đơn khiếu nại lên Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Sự việc đến nay đang được giải quyết.

Từ những ý kiến trên, bà Lê Thị Kim Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P là trẻ Nguyễn Lê Bá V do bà Lê Thị Kim Q là đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất với phần trình bày của bà Lê Thị Kim Q.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P, gồm: Ông Nguyễn Lê Bá X, ông Nguyễn Lê Bá Y và ông Nguyễn Lê Bá A1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 340/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái A về

buộc bà Nguyễn Thị Mai G và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P là bà Lê Thị Kim Q, ông Nguyễn Lê Bá X, ông Nguyễn Lê Bá Y, ông Nguyễn Lê Bá A1 và trẻ Nguyễn Lê Bá V liên đới thanh toán toàn bộ tiền thuế và phí phát sinh của hợp đồng dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22 tháng 4 năm 2010 là 720.000.000 (Bảy trăm hai mươi triệu) đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái A:

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22 tháng 4 năm 2010. Buộc bà Nguyễn Thị Mai G và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P là bà Lê Thị Kim Q, ông Nguyễn Lê Bá X, ông Nguyễn Lê Bá Y, ông Nguyễn Lê Bá A1 và trẻ Nguyễn Lê Bá V liên đới trả cho ông Nguyễn Thái A số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai G và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Đình P, bà Lê Thị Kim Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông L đại diện cho bị đơn bà G trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, không đảm bảo khi xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Đình P và về nội dung không đảm bảo khách quan vụ án.

Bà Q là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Đình P trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, không đảm bảo khi xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Đình P và về nội dung không đảm bảo khách quan vụ án.

Bà Q đề nghị nộp USB (Ổ cứng di động) có ghi nội dung ghi âm của cuộc nói chuyện giữa gia đình bà và luật sư A. Bà Q trình bày có trích dẫn nội dung lời nói của luật sư; không xuất trình được tài liệu gốc về nội dung cuộc nói chuyện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về thủ tụng tố tụng:

Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tụng tố tụng khi xác định thẩm quyền giải quyết, thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng.

Bản án sơ thẩm số 340/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân Quận K. Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên số thụ lý 633 ngày 03/11/2020, ông P chết ngày 31/8/2019, các đương sự kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P có đương sự ở nước ngoài là Bá X và Bá Y nên căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà G và bà Q đề nghị huỷ bản án sơ thẩm vì xét xử vắng mặt đối với những người liên quan và giải quyết vụ án không khách quan.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về người tham gia tố tụng:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Đối với thủ tục tống đạt:

Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình P:

Căn cứ tài liệu chứng cứ, văn bản xác minh và bản cung cấp Hộ khẩu của công an Quận K và Cục quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện ông Nguyễn Lê Bá Y, Nguyễn Lê Bá A1 trước có hộ khẩu tại địa chỉ 98 Đường H,

phường I, Quận K. Thành phố Hồ Chí Minh và trước khi xuất cảnh có địa chỉ tại 154/10 Đường M1, phường N1, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời qua xác minh không có ông Y, ông A1 tại địa chỉ D. Toà án nhân dân Quận K đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án cũng như tham dự phiên toà.

Do vậy, ông Y, ông A1 vắng mặt nên toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Y, ông A1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ghi ngày 05/12/2018 và và hồ sơ được Toà án nhân dân Quận K thụ lý số 146/2019/DSST ngày 05/4/2019; ông Nguyễn Đình P chết ngày 31/8/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án ông P chết nên phát sinh những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P. Đối với ông Nguyễn Lê Bá X là con bị đơn ông P; tại thời điểm giải quyết vụ án ông X đang học tại Phần Lan. Do vậy, cấp sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền nên căn cứ Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự thì không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết của Toà án, cấp huyện vẫn có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về thủ tục tiến hành gửi văn bản uỷ thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hoà Phần Lan ngày 01/6/2021. Tuy nhiên đến thời điểm chuẩn bị xét xử vẫn chưa có kết quả. Căn cứ khoản 5 Điều 105 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Toà án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ thu được. Do vậy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vắng mặt ông X dựa trên tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ là phù hợp.

Do vậy cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định pháp luật; yêu cầu kháng cáo về nội dung này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn Lê Bá V chưa đủ 18 tuổi có bà Lê Thị Kim Q người đại diện hợp pháp. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông V đã đủ 18 tuổi nên cấp phúc thẩm ông V được trực tiếp tham gia vụ án. Xét bà Q cung cấp địa chỉ của ông V đang học ở Phần Lan; toà án không tiến hành việc uỷ thác mà tiến hành tống đạt theo địa chỉ Lô B, khu phố O1, xã S, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định chung.

Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai G và bà Lê Thị Kim Q:

Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái A Chi nhánh D, Thành phố Hồ Chí Minh đã ký. Về nội dung, hình thức tuân theo quy định tại Điều 401, Điều 402 Bộ luật Dân sự 2005. Cấp sơ thẩm xác định quyền, nghĩa vụ trong quan hệ dân sự giữa các bên đã phát sinh theo quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010 là phù hợp.

Căn cứ Bản án sơ thẩm số 929/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án phúc thẩm số 165/2014/DS-PT ngày 10/7/2014 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ giấy ủy quyền ngày 21/10/2014, bị đơn uỷ quyền cho nhân viên của nguyên đơn tham gia thi hành án đối với các bản án nêu trên.

Trong quá trình nguyên đơn đang tiến hành các thủ tục thi hành án tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/12/2016 bị đơn chấm dứt việc uỷ quyền đối với luật sư của nguyên đơn gửi đơn đến Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều I, Điều II của hợp đồng dịch vụ, khi bị đơn hủy bỏ việc ủy quyền là huỷ bỏ yêu cầu nguyên đơn tham gia thực hiện dịch vụ pháp lý, đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ; đồng thời bị đơn đã ủy quyền cho người khác tham gia thi hành án.

Căn cứ Công văn số 7771/CTHADS ngày 19/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án phúc thẩm số 165/2014/DS-PT ngày 10/7/2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi hành án xong, nhà đất tại địa chỉ số 16 Đường D1, Phường E1, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được tổ chức giao cho ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Mai G. Như vậy đối tượng của hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010 được nguyên đơn thực hiện đúng theo thoả thuận. Bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng nên nguyên đơn không thực hiện được các bước tiếp theo nên hợp đồng dân sự chấm dứt theo quy định tại khoản 4 Điều 424 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 518 Bộ luật dân sự 2005, hợp đồng cung ứng dịch vụ pháp lý giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp đồng song vụ, nguyên đơn có trách nhiệm thực hiện công việc cho bị đơn, bị đơn phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ là nguyên đơn.

Xét, tại khoản 3 Điều V của hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý số 15/HĐ-DVPL ngày 22/4/2010 quy định "...*Nếu bên A đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này thì phải trả lại ngay toàn bộ số tiền đã nhận. Còn ngược lại, nếu bên B đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này dưới bất cứ hình thức nào thì vẫn phải trả đủ phí dịch vụ nêu trên tại Điều IV của hợp đồng này...*".

Từ những nhận định trên cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều IV, giá trị của hợp đồng là 6.000.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán trước 4.000.000.000 đồng, nên bị đơn phải trả số tiền còn lại là 2.000.000.000 đồng cho bên nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Kháng cáo của bà G, bà Q là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải chịu tiền thuế phát sinh từ hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý tạm tính là 720.000.000 đồng, cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu trên là đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã điều tra đầy đủ, áp dụng đúng trình tự thủ tục tố tụng nên yêu cầu kháng cáo của bà G, bà Q là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định;

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà G, bà Q không được chấp nhận nên các đương sự phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 424, Điều 518, Điều 519, Điều 524, Điều 525 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai G.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim Q, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Đình P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 340/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai G và bà Lê Thị Kim Q mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà G đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số AA/2022/0000340 ngày 26/9/2023 và số tiền tạm ứng án phí do bà Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số AA/2022/0000339 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận K;
- Tòa án nhân dân Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà